

Bản án số: 11/2025/DS-ST

Ngày: 28-02-2025

*“V/v tranh chấp dân sự về hợp
đồng vay tài sản”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Cao Diễm.

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

Ông Đặng Văn Hai;

Ông Nguyễn Phát Triền.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thái Vân An - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Cẩm Dang - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2025, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Lai Vung xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 242/2024/TLST-DS, ngày 22/10/2024, về việc “Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐST-DS ngày 13/01/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2025/QĐST-DS ngày 13/02/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Trương G, sinh năm: 1965, địa chỉ: xã Tân Hoà, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Lê D, sinh năm: 1967, địa chỉ: xã Tân Hoà, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn ông Trương G trình bày:

Nguyên tôi với ông D là bà con hàng xóm gần nhà với nhau nên ông D cần tiền làm ăn nên có hỏi tôi mượn số tiền tổng cộng 80.000.000đ cụ thể như sau:

Vào ngày 01/7/2014 ông D vay số tiền 50.000.000đ lãi suất 1%/tháng, thời hạn khi nào tôi cần thì ông D trả, mục đích vay làm ăn, có làm biên nhận, ông D đã đóng lãi tôi từ đó đến tháng 05/2019 thì ông D ngưng, sau đó đến ngày 07/6/2019 ông D mượn thêm 30.000.000đ mục đích để đáo hạn ngân hàng, lãi suất 1%/tháng, thời hạn khi nào tôi cần thì ông trả nhưng từ khi vay đến nay ông D không đóng lãi hay trả vốn cho tôi, tôi đã nhiều lần yêu cầu ông D trả nợ cho tôi nhưng ông D cố tình né tránh không trả. Nay tôi Trương G yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Lê D trả cho Trương G số tiền nợ vốn 80.00.000 đồng, lãi 0,83% tính từ ngày 07/7/2019 đến ngày 07/7/2024 là $60 \text{ tháng} \times 80.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% = 39.840.000 \text{ đồng}$, tổng cộng vốn và lãi là 119.840.000 đồng.

Bị đơn Lê D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt, không có lý do. Cũng như không có văn bản ý kiến, phản bác gì yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Trương G khởi kiện yêu cầu Lê D trả tiền nợ vay, đây là vụ án tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản. Các đương sự cư trú tại huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, cho nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của bị đơn Lê D trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Lê D đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn Lê D.

[2] Về nội dung vụ án:

Ông Trương G yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê D trả cho ông Trương G số tiền nợ vốn 80.00.000 đồng, lãi 0,83% tính từ ngày 07/7/2019 đến ngày 07/7/2024 là $60 \text{ tháng} \times 80.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% = 39.840.000 \text{ đồng}$, tổng cộng

vốn và lãi là 119.840.000 đồng. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là biên nhận mượn tiền, giấy mượn tiền điều có chữ ký tên và ghi họ tên Lê D và tại biên bản lấy lời khai ngày 18/12/2024 ông Lê D cũng thừa nhận có nợ ông Trương G số tiền 80.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết, có đủ cơ sở để xác định ông Lê D nợ tiền ông Trương G số tiền trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Trương G là có căn cứ, đúng quy định tại khoản 1, 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

Đối với tiền lãi khi vay có thỏa thuận lãi xuất nhưng đến hạn trả nợ ông Lê D không trả nên ông Trương G tính tiền lãi trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với lãi xuất 0,83% tính từ ngày 07/7/2019 đến ngày 07/7/2024 là 60 tháng x 80.000.000 đồng x 0,83% = 39.840.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 119.840.000 đồng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Trương G là có căn cứ và hợp pháp theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp với khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Trương G.
2. Buộc ông Lê D trả cho ông Trương G số tiền nợ vốn là 80.00.000 đồng, lãi 39.840.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 119.840.000 đồng (Một trăm mười chín triệu, tám trăm bốn mươi nghìn đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) mà người phải thi hành án chưa thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí, tạm ứng án phí:

- Ông Lê D phải chịu 5.992.000 đồng (Năm triệu, chín trăm chín mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Trương G không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Trương G số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 3.200.000 đồng (Ba triệu, hai trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí, án phí Tòa án số 0014119, ngày 22/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (13/02/2025). Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- CC THADS huyện Lai Vung;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Cao Diễm